

GIẢNG DẠY KIẾN THỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

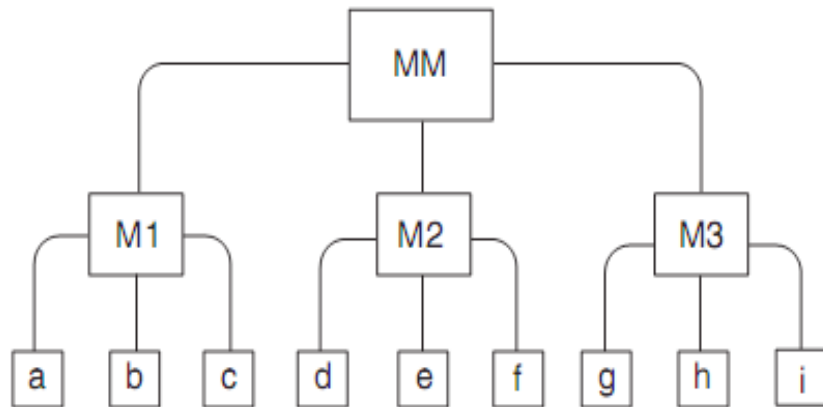
ThS. Bùi Quốc Nam

1. Giới thiệu

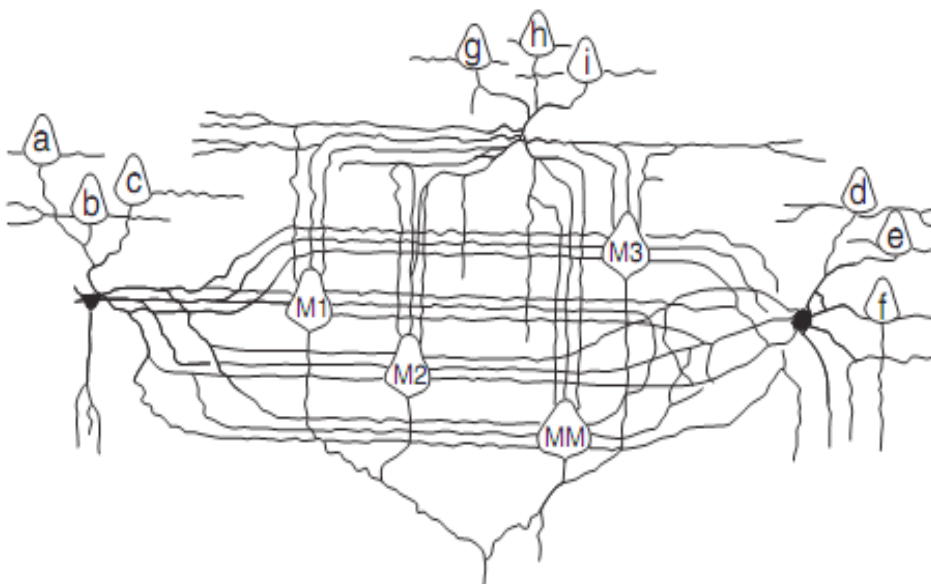
Với trực giác của một thiên tài, từ giữa thế kỷ 20 Toffler (1980) đã phác họa một kỷ nguyên mới của xã hội loài người - kỷ nguyên mà mạng máy tính sẽ là xương sống và là hơi thở của đời sống xã hội. Cũng chính sự phát triển của mạng máy tính mà thế giới ngày càng phẳng hơn (Friedman, 2006), và ngược lại thế giới phẳng hơn lại là động lực phát triển cho mạng máy tính (Yi-chan, 2005). Tác động thuận nghịch này khiến tốc độ thay đổi của mạng máy tính và Hệ thống Thông tin (IS: Information System) ngày càng nhanh và mang tính cách mạng: từ hệ Phân tán đến SOA và cuối cùng là Tính toán Đám mây (Broberg & ctg, 2011). Kết quả của kịch bản này đã hình thành một môi trường vĩ mô với IS đóng vai trò chủ đạo, điều này đã khiến cho các doanh nghiệp phải đặt ra một câu hỏi tự vấn là làm thế nào mới có thể tồn tại và phát triển trong môi trường mới? Để trả lời câu hỏi này một số các nhà chiến lược như Sweeney (2010), Hugos (2011), Babcock (2010) đều cho rằng điều kiện tiên quyết giúp cho các doanh nghiệp tồn tại là cấu trúc của các doanh nghiệp phải được thay đổi để đảm bảo sự tương tác và tốc độ phản hồi của các đơn vị trong doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của khách hàng nhanh nhất tương ứng với tốc độ khả thi của IS hiện hữu. Muốn vậy mô hình tương tác giữa các đơn vị trong công ty theo Christopher (2007) phải mang độ phức

tạp cao như hệ thần kinh của một sinh vật sống (xem hình 1.1).

Do cấu trúc và IS của doanh nghiệp ngày càng phức tạp, yêu cầu về kỹ năng quản trị của các nhà quản lý cũng thay đổi, đa số các nhà quản trị như Jackson (2003) và Christopher (2007) đều cho rằng ngày nay kỹ năng tư duy hệ thống và kỹ năng quản trị IS phải được xem là kỹ năng quyết định. Trên quan điểm đó, các trường đại học trên thế giới đều đưa kiến thức IS vào giảng dạy cho khối Kinh tế đặc biệt là ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD), thậm chí có trường còn đào tạo riêng ngành mới là Hệ thống Thông tin trong Kinh doanh Tại Việt Nam, trong vài năm nay cũng có nhiều trường đại học bắt đầu đưa kiến thức IS vào giảng dạy cho khối Kinh tế. Tuy nhiên việc thực hiện của mỗi trường mỗi khác và cũng chưa có trường nào đánh giá và so sánh nghiêm túc hiệu quả việc thực hiện. Trong bối cảnh đó, bài viết này xem như là một báo cáo sơ bộ kết quả thực hiện việc giảng dạy kiến thức IS cho ngành QTKD dựa theo các môn học hệ ISM của trường đại học Carnegie Mellon (CMU) chuyển giao cho Đại học Dân lập Văn Lang (VLU). Ý nghĩa của báo cáo này có thể xem là kết quả nghiên cứu tình huống (Yin, 2003) có thể làm nguồn thông tin thứ cấp cho các nghiên cứu sâu hơn sau này.



Conventional view of an organization



How the organization really works, showing the same elements

Hình 1.1 - Cấu trúc công ty được xem như là một hệ thống thần kinh trong cơ thể sống (Christopher 2007, tr.22).

2. Thực trạng

2.1. Trong nước

Nhìn chung trong nước có hai cách thức triển khai việc dạy kiến thức IS cho ngành QTKD. Cách thứ nhất tập trung vào việc ứng dụng IS trong kinh doanh (MIS) cụ thể như ERP, CRM, SCM... Cách

này có ưu điểm là cụ thể, gắn liền với các tác vụ kinh doanh phổ biến trong doanh nghiệp. Tuy nhiên cách này lại có hạn chế là không cung cấp các kiến thức tổng quát về IS và như vậy sinh viên rất khó có khả năng phân tích các IS đặc thù riêng biệt của từng doanh nghiệp khác nhau với các IS phổ biến đã được học (xem bảng 2.1).

Bảng 2.1 Cách thức giảng dạy kiến thức IS cho ngành QTKD phổ biến tại Việt Nam

Cách thức	Nhấn mạnh	Ưu điểm	Hạn chế
Nhấn mạnh ứng dụng IS	Ứng dụng IS cụ thể trong doanh nghiệp như: ERP, SCM, CRM...	Gắn liền thực tiễn trong doanh nghiệp	Không có phương pháp luận và cơ sở lý thuyết chung về IS
Nhấn mạnh lý thuyết về IS	Kiến thức IS chung	Cung cấp kiến thức cơ sở và phương pháp luận cho việc phân tích IS	Không cụ thể, không thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa IS/IT với kinh doanh

Cách thứ 2 đối lập với cách thứ 1, cách này nhấn mạnh vào việc truyền đạt kiến thức cơ sở cho việc phân tích và thiết kế IS tổng quát; nên có ưu điểm là dạy cho sinh viên có khả năng phân tích một IS cơ bản nhưng lại có một hạn chế là sinh viên ngành QTKD khó tiếp thu vì không thấy tính thực tiễn của kiến thức được học.

2.2. Nước ngoài

Trong bài viết này chỉ giới hạn trong các trường đại học ở Mỹ vì theo đánh giá của một số tổ chức quốc tế thì Mỹ hiện vẫn đi đầu thế giới về giáo dục đại học trong khối kinh tế. Tuy nhiên ngay tại Mỹ việc đào tạo kiến thức IS cho ngành QTKD cũng không đơn giản vì một số lý do sau đây:

- Ngành "Quản trị kinh doanh": có sự phân biệt giữa Business Administration-BA (Quản trị Kinh doanh) và Business Management-BM (Quản lý Kinh doanh). Nói chung thì sinh viên học ngành BA sẽ được đào tạo kiến thức cân bằng giữa quản trị, kỹ thuật và sản xuất nên phải học

nhiều lĩnh vực hơn ngành BM và sinh viên ngành BM sẽ được đào tạo kiến thức thiên về quản trị hơn kỹ thuật và sản xuất, đặc biệt nhấn mạnh về nguồn nhân lực và tổ chức. Do vậy ngành BA sẽ học rộng hơn về IS trong khi ngành BM sẽ tập trung vào việc ứng dụng IS trong quản trị tổ chức hay nhân lực của doanh nghiệp

- Học vị cử nhân: Trong cả hai ngành BA và BM tại Mỹ lại có hai loại bằng cử nhân là BA (Bachelor of Arts) và BS (Bachelor of Science). Đối với cử nhân BS, sinh viên sẽ được đào tạo kiến thức nền về toán và dữ liệu số và tập trung vào các khía cạnh kỹ thuật nhiều hơn bằng cử nhân BA. Trong khi đó cử nhân BA sẽ có khuynh hướng đào tạo tổng quát các vấn đề chủ yếu trong kinh doanh.

Chính vì hai lý do trên, kiến thức về IS được giảng dạy cho hệ đại học sẽ thay đổi tùy thuộc bằng cấp BA hay BS của ngành BA hay ngành BM (xem bảng 2.2).

<div style="text-align: center;"> Ngành Học vị </div>	Các môn học tiêu biểu cho việc đào tạo IS trong kinh doanh	
	Business Management (đào tạo thiên về quản trị hơn kỹ thuật và sản xuất, đặc biệt nhấn mạnh về nguồn nhân lực và tổ chức)	Business Administration(đào tạo cân bằng giữa quản trị, kỹ thuật và sản xuất)
Bachelor of Arts (khuynh hướng đào tạo tổng quát)	B.A B.M (1) Giới thiệu về IS: Introduction to information Systems & Application (2) Ứng dụng IS: Management Information Systems (hoặc Information Systems for Enterprise; Business Information Systems...) (3) Quản trị IS: Business System Analysis (hoặc Business Process and System...)	B.A B.A (1) Giới thiệu về IS: Introduction to information Systems & Application (2) Ứng dụng IS: Management Information Systems (hoặc Information Systems for Enterprise; Business Information Systems...) (3) Quản trị IS: Information Management (hoặc Database Management System...)
Bachelor of Science (khuynh hướng đào tạo vào những chuyên ngành như tài chính, sản xuất. Bên cạnh đó đòi hỏi phải có kiến thức nền về toán học. Do đó, một số trường yêu cầu sinh viên phải học thêm các môn có nội dung đi sâu hơn về cơ sở toán của IS; như: Fundamentals of Information Systems, Info Technology...)	B.S B.M (1) Ứng dụng IT/IS: Information Technology for Networked Organization (hoặc Computer Information Systems; Management Information Systems...) (2) Quản trị IS: Information Systems Design & Implementation (hoặc Database Design & Management; Information Systems Analysis & Design...) (3) Ứng dụng IS cho một lĩnh vực trong kinh doanh (thường thiên về tổ chức, nhân lực) như: IT Governance (hoặc IT policy & Audit, Systems Management & Administration, Systems of data communication...)	B.S B.A (1) Ứng dụng IT/IS: Information Technology for Networked Organization (hoặc Computer Information Systems; Management Information Systems...) (2) Quản trị IS: Information Systems Design & Implementation (hoặc Database Design & Management; Information Systems Analysis & Design...) (3) Ứng dụng IS cho một lĩnh vực trong kinh doanh như: E.business Management (hoặc E.Commerce Application & Web-based Systems; IS & IT in the Supply Chain...)

Bảng 2.2 - Môn học IS (Hệ thống Thông tin) cho ngành QTKD tại Mỹ

3. Triển khai tại trường ĐH Văn Lang

3.1 Cơ sở lý thuyết cho việc triển khai

Trong thời gian qua, có rất nhiều nghiên cứu cho việc giảng dạy kiến thức IS, các nghiên cứu này cho một số kết quả cần lưu ý như sau:

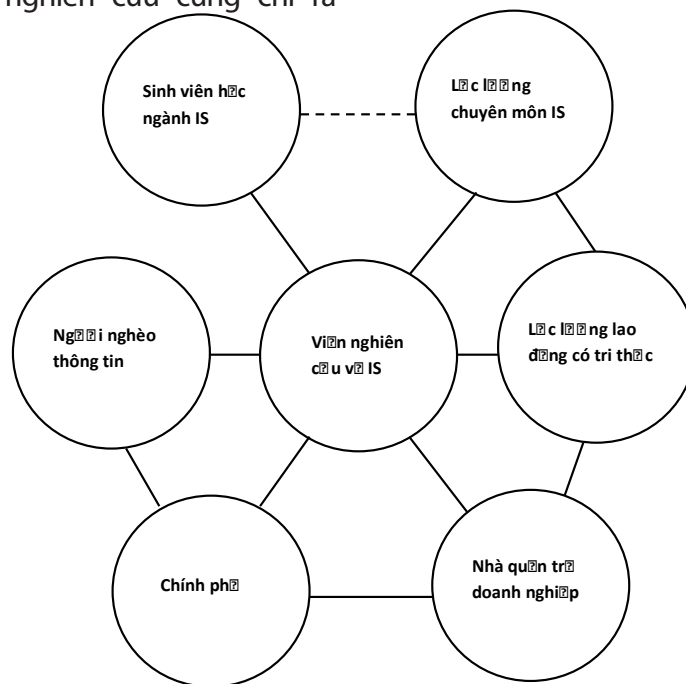
- Khẳng định lại các giá trị nhận được

từ việc giảng dạy IS: theo Hemingway & Gough (2000) việc giảng dạy kiến thức IS tạo một ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội tri thức hiện nay. Tầm ảnh hưởng rộng không chỉ trong giới học thuật mà còn ảnh hưởng tới doanh nghiệp và chính phủ (hình 3.1), và mức ảnh hưởng sâu đến

pháp chế và kiến trúc thượng tầng của xã hội. Đặc biệt nghiên cứu chỉ ra việc giảng dạy IS không chỉ nâng cao kỹ năng IT mà còn nâng cao năng lực tư duy cho cộng đồng bao gồm:

- o Khả năng giải thích lý do
- o Khả năng quản lý sự phức tạp
- o Khả năng kiểm định giải pháp
- o Khả năng tổ chức cấu trúc thông tin và đánh giá thông tin
- o Khả năng tiên đoán sự thay đổi công nghệ
- o Khả năng tư duy mức trừu tượng về IT

Cuối cùng nghiên cứu cũng chỉ ra



Hình 3.1 - Ảnh hưởng của kiến thức IS trong xã hội tri thức (Hemingway & Gough, 2000, trang 169)

yêu cầu kiến thức về IS đứng trên 3 quan điểm: Sinh viên, nhà Quản trị Kinh doanh và Kỹ nghệ IS (hình 3.2). Các quan điểm này tuy khác nhau nhưng cuối cùng các

giá trị phải được cân bằng và hội tụ vào các mục tiêu sau :

- o Kiến thức IS phải hỗ trợ cho việc giao tiếp cá nhân và giao tiếp của doanh nghiệp (bên trong và bên ngoài)

- o Kiến thức IS phải giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh

- o Kiến thức IS phải giúp việc duy trì hệ thống cũ và phát triển hệ thống mới của một tổ chức.

- Khẳng định lại nội dung giảng dạy kiến thức IS:

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhóm tác giả như Pontiggia & ct (2003)

như đa phần các giáo trình MIS hiện nay (Laudon, 2010). Nội dung gồm:

- Các kiến thức về Quản trị
- Kiến thức về Công nghệ IT
- Kiến thức về IS
- Kiến thức về doanh nghiệp

Các mảng kiến thức này được sắp xếp theo cấu trúc như Laudon (2010) đề nghị (hình 3.3) và được tổ chức thành 20 chương như sau:

- Chương 1: Lịch sử Máy tính (History of the computer)
- Chương 2: Khái niệm về Phần cứng và Phần mềm (Hardware and Software)
- Chương 3: Hệ thống Thông tin trong Kinh doanh (Business and IS)
- Chương 4: Quản trị Hệ thống Thông tin (IS Management)
- Chương 5: Hệ thống Thông minh trong Kinh doanh (Business Intelligence)
- Chương 6: Hoạch định chiến lược kinh doanh (Business Strategy Planning)
- Chương 7: Lợi thế cạnh tranh trong Quản trị (Management Competencies)
- Chương 8: Thể chế Công nghệ Thông tin (IT Governance)
- Chương 9: Khắc phục thảm họa (Disaster Recovery and Business Continuity)
- Chương 10: Quản trị Dữ liệu (Data Management)
- Chương 11: Thương mại Điện tử

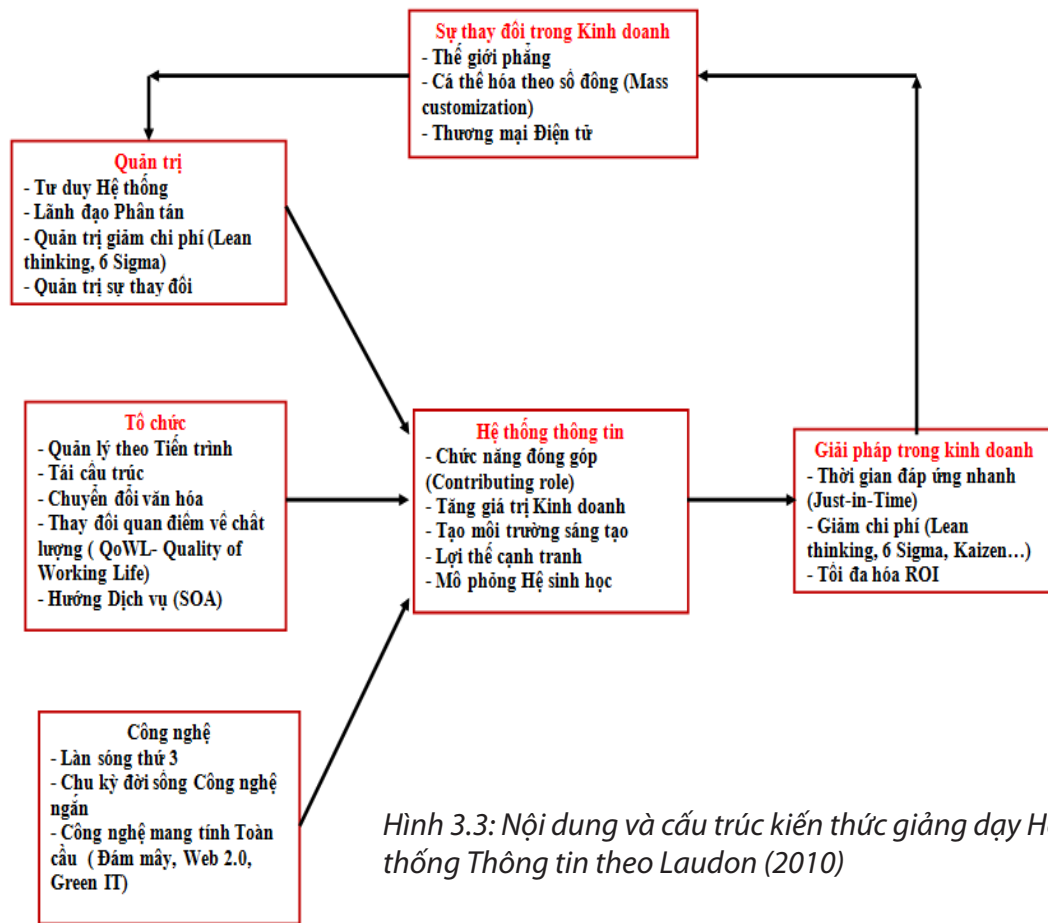
(E-Commerce)

- Chương 12: Hệ thống Quản trị Quan hệ Khách hàng (CRM)
- Chương 13: Hệ thống Hoạch Định Tài nguyên trong Doanh nghiệp(ERP)
- Chương 14: Hệ thống Quản trị Chuỗi Cung ứng (SCM)
- Chương 15: Phát triển Hệ thống Thông tin (IS Development)
- Chương 16: Quản trị Dự án Hệ thống Thông tin (Project Management)
- Chương 17: Đạo đức & Bảo mật (Ethics & Security)
- Chương 18: Quản trị Rủi ro (Risk Management)
- Chương 19: Xu hướng Công nghệ Thông tin (IT trends)
- Chương 20: Xu hướng Công nghệ Thông tin Toàn cầu (Global IT trends)

3.2.2. Tổ chức môn học

Thời gian: Môn học IISM kéo dài 90 tiết, mỗi tuần 6 tiết được chia làm 3 buổi mỗi buổi 3 tiết. Buổi đầu trong tuần thảo luận về lý thuyết, hai buổi sau dành cho thảo luận cá nhân và làm việc nhóm.

Phương pháp: Sinh viên học theo phương pháp LBD (Learning By Doing)-theo đó phải đọc trước các bài đọc ở nhà trước buổi thảo luận lý thuyết. Mỗi nhóm sẽ tự chọn một mô hình công ty để triển khai IS cho phù hợp với loại hình công ty đã chọn. Mỗi tuần sinh viên đều phải làm các bài tập trắc nghiệm và kiến thức



Hình 3.3: Nội dung và cấu trúc kiến thức giảng dạy Hệ thống Thông tin theo Laudon (2010)

môn học sẽ được củng cố qua buổi học lý thuyết, thảo luận nhóm và sửa bài tập.

Tài liệu: Toàn bộ tài liệu bằng tiếng Anh, được CMU cung cấp bao gồm các bài đọc cho từng tuần, các Slides và Video bài giảng

Công cụ: Sinh viên được giảng dạy và thực hành sử dụng phương pháp thảo luận động não (Brainstorming) để nâng cao kỹ năng và hiệu quả làm việc nhóm. Ngoài ra sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng phác thảo Bản đồ Tư duy (Mind Mapping) để hệ thống hóa kiến thức đã học, phát triển tư duy theo hệ thống.

3.2.3. Kết quả

Sau khi triển khai giảng dạy môn Giới

thiệu về Quản trị Hệ thống Thông tin (IISM) cho hai khóa K14 và K15 khoa QTKD (xem bảng 3.1), thu được một số kết quả sau:

- Kỹ năng mềm của sinh viên được cải thiện (làm việc nhóm, thuyết trình...)
- Trình độ ngoại ngữ của sinh viên tăng lên rõ rệt
- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về IS
- Sinh viên hiểu được vai trò của IS nhằm nâng cao Lợi thế Cạnh tranh
- Sinh viên có tư duy Hệ thống qua việc sử dụng Bản đồ Tư duy
- Sinh viên quen dần với khả năng tự học qua phương pháp học LBD

Bảng 3.1 - Kết quả giảng dạy môn IISM cho khoa QTKD

	Số lượng sinh viên học	Số lượng sinh viên đạt	Số lượng sinh viên đạt chứng chỉ CMU	Năm học
K14	252	245 (97%)	225 (89%)	Năm thứ 1
K15	361	343 (95%)	266 (74%)	Năm thứ 2
K16	280	279 (99%)	236 (84%)	Năm thứ 3

- Ngoài những kết quả nêu trên, sinh viên đạt kết quả môn học với điểm số (≥ 7) sẽ nhận được chứng chỉ môn học do chính CMU cấp, với chứng chỉ này sẽ giúp sinh viên có thêm lợi thế cạnh tranh trong thị trường lao động hiện nay.

4. Kết luận

Mặc dầu để có thể đưa ra một kết luận chính xác về hiệu quả của chương trình, đòi hỏi phải tiến hành nhiều khảo sát khác, mở rộng cả về đối tượng khảo sát và thời gian khảo sát có thể kéo dài nhiều năm; tuy nhiên sau 3 năm giảng dạy môn học IISM cho sinh viên thuộc khoa QTKD, với kết quả thu được như trên cũng có thể thấy rằng việc thực hiện giảng dạy kiến thức IS từ các môn học nhận từ CMU cho sinh viên ngành QTKD là hợp lý. Để có thể thu được kết quả cao hơn nữa, trên cơ sở lý luận đã trình bày; nghiên cứu này xin đề nghị một số ý kiến nhằm giúp sinh viên thu được kết quả cao nhất từ chương trình này. Những kiến nghị bao gồm: mở rộng nội dung giảng dạy, bổ sung công cụ hỗ trợ, cải thiện sự tiếp cận nguồn tư liệu từ CMU của sinh viên, và liên kết với

các doanh nghiệp trong giảng dạy.

4.1. Mở rộng nội dung giảng dạy

Như đã trình bày ở phần trước, kiến thức IS đào tạo cho sinh viên khoa QTKD tại VLU dựa trên khung đào tạo BA.BA, theo định hướng kiến thức rộng và cân bằng giữa Quản trị, Sản xuất và Kỹ thuật. Nội dung đào tạo có thể được nhìn ở các quan điểm khác nhau; ở phần trước nghiên cứu đã trình bày nội dung kiến thức IS đào tạo cho sinh viên khối kinh tế ở ba góc nhìn: quan điểm của Laudon (2010) gắn kết kiến thức IS với môi trường vĩ mô; quan điểm thực dụng của Pontiggia & ct (2003) hay Lopes & Moraise (2002) gắn liền kiến thức IS với Lý thuyết Tổ chức; và quan điểm thực tế triển khai tại Mỹ theo khung đào tạo BA.BA. Ngoài ba cách nhìn trên, nghiên cứu này đưa ra một góc nhìn khác, đứng ở góc độ phân tích sự tác động giữa kiến thức IS và kiến thức Quản trị, khi đó có thể thấy rằng phần kiến thức IS đào tạo cho sinh viên khối Kinh tế thật ra có thể tách thành hai phần: phần thứ I giúp cho sinh viên nhận thức được tác động của IS đến vấn đề Quản trị và phần thứ II sẽ giúp

cho sinh viên vận dụng kiến thức Quản trị vào việc phát triển IS (hình 4.1). Hai phần này có nội dung cốt lõi như sau:

Phần I- Ảnh hưởng của IS đến Quản trị Doanh nghiệp: phần này thường đề cập đến ba nội dung chính sau đây:

- (1) Môi trường vĩ mô của kinh doanh hiện nay với vai trò chủ đạo của IT và IS
- (2) Lợi thế cạnh tranh do IT và IS mang lại cho doanh nghiệp
- (3) Vai trò IT và IS trong Quản trị Doanh nghiệp

Một số môn học tiêu biểu trong phần I là:

- Giới thiệu về IS (IISM; Introduction to information Systems & Application...

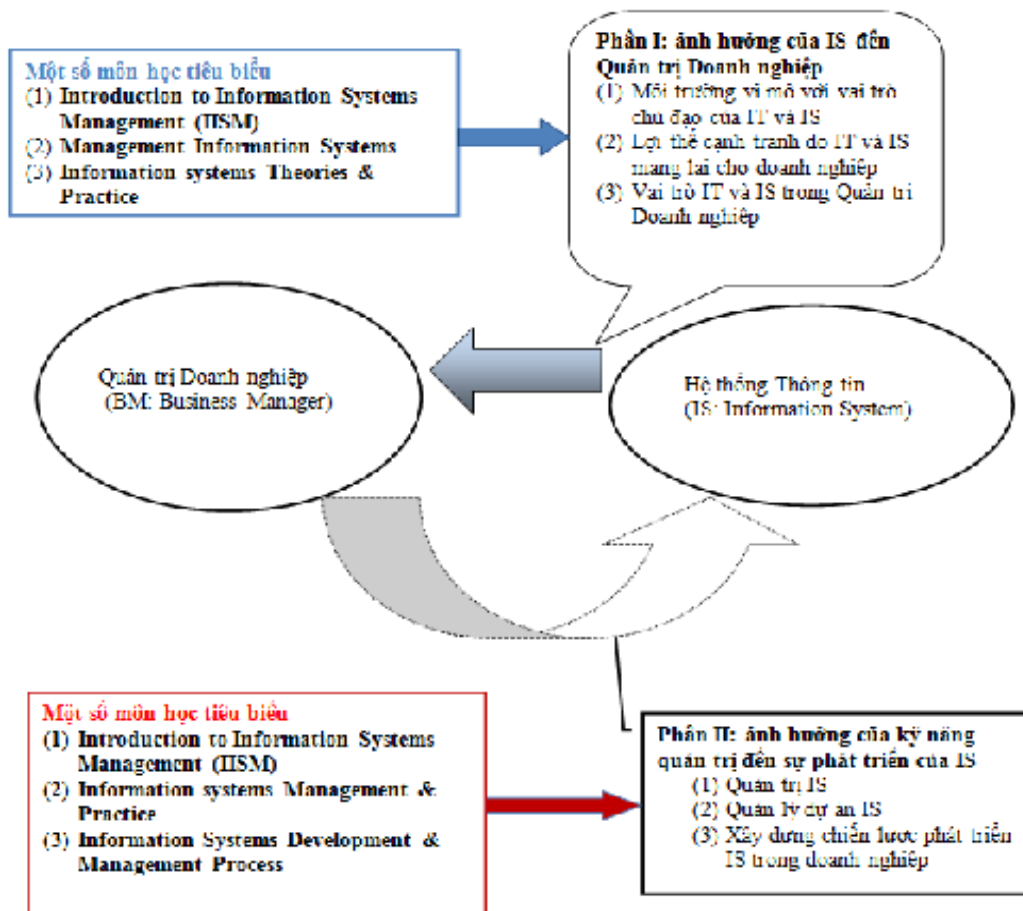
); môn IISM đã được triển khai giảng dạy cho khoa QTKD

- Hệ thống Thông tin Quản trị (Management Information Systems; Business Information Systems; Information systems Theories & Practice ...)

Phần II - Ảnh hưởng của Quản trị Doanh nghiệp đến sự phát triển của hệ IS: phần này thường đề cập đến 3 nội dung chính sau:

- (1) Quản trị IS; Quản lý dự án IS
- (2) Xây dựng chiến lược phát triển IS trong doanh nghiệp

Trong phần này, sinh viên ngành QTKD sẽ ứng dụng kiến thức đã được học về



Hình 4.1 - Hai phần nội dung kiến thức IS (theo quan điểm phân tích tác động giữa IS và Quản trị)

Quản trị Doanh nghiệp để quản trị IS nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh; IS khi đó được xem như là một tài sản vô hình có giá trị rất cao trong doanh nghiệp trong thời đại kinh tế tri thức. Một số môn học tiêu biểu cho các nội dung này là:

- Giới thiệu về IS (IISM; Introduction to information Systems & Application...): môn IISM đã được triển khai giảng dạy cho khoa QTKD

- Quản trị IS (Information Systems Management & Practice; Information Management; Database Management System...)

- Phát triển IS (Information Systems Development; Information Systems Development & Management Process)

Nội dung môn học IISM đã dạy cho sinh viên bao gồm cả hai phần I và II, nhưng chỉ ở mức độ khái quát. Để sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng quản trị trong giai đoạn hiện nay như đã đề cập trước đây, thì phải tăng cường thêm kiến

thức cả hai phần nội dung I và II. Nghiên cứu này đề nghị biện pháp tăng cường thêm kiến thức IS cho sinh viên ngành QTKD qua việc triển khai giảng dạy các môn học như bảng (4.1).

4.2. Bổ sung công cụ hỗ trợ

Khi giảng dạy môn IISM, các Thầy Cô trong chương trình CMU đã dùng phần mềm "Mindjet Manager" để giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa kiến thức đã học, phát triển tư duy theo hệ thống. Tuy nhiên, để mô hình hóa các tiến trình trong doanh nghiệp thì có lẽ cần trang bị cho sinh viên một công cụ mạnh hơn và được chuẩn hóa như là UML như đề nghị của Eriksson & Penker (2000). Do đó, nghiên cứu này đề nghị bổ sung việc giảng dạy công cụ hỗ trợ UML nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng một công cụ chuẩn để mô tả tiến trình, phân tích và thiết kế IS trong doanh nghiệp. Để cho gọn nhẹ, kỹ năng sử dụng UML đề nghị được giảng dạy trong phần hướng

Bảng 4.1 Môn học IS đề nghị triển khai cho khối kinh tế

Môn học	Nội dung	Thời điểm	Đk. tiên quyết	Ghi chú
Giới thiệu về Quản trị IS (IISM)- khoảng 90 tiết (lý thuyết & thực hành)	Tập trung vào phần I, giới thiệu phần II	Năm thứ 1		Đang dạy cho khoa QTKD
Quản trị và Thực tiễn IS (IISM&P- Information systems Management & Practice)- khoảng 90 tiết (lý thuyết & thực hành)	Phần II	Năm thứ 3	Sau khi đã học một số môn về Quản trị (Quản trị Rủi ro, Quản trị Chiến lược, Quản trị Sản xuất..)	

dẫn thực hành trong cả hai môn học IISM và IISM & P mà không cần phải thiết kế thành một môn học được giảng dạy riêng.

4.3. Tăng cường khả năng tiếp cận của sinh viên đến nguồn tài liệu của CMU

Tài nguyên các môn học của CMU rất phong phú bao gồm các bài đọc và slides đi kèm với Videoclip bằng tiếng Anh. Các bài đọc này rất đa dạng cả về nội dung và hình thức, bao gồm:

- Bài viết từ các tạp chí nổi tiếng: Gartner, eBC (eBusiness Connection), McKinsey on IT, NIST (National Institute of Standards & Technology)...

- Bài viết của giáo sư ở các trường Đại học nổi tiếng như: Standford, Carnegie Mellon, Havard...

- Trích đoạn một số chương trong các cuốn sách giáo trình nổi tiếng

Do số lượng các bài đọc khá nhiều, bằng tiếng Anh, và mang tính hàn lâm nhất định nên trong quá trình học, thật tế sinh viên Việt Nam rất khó tiếp cận. Cụ thể như trong môn học IISM có 100 bài đọc với tổng số 1200 trang A4, nội dung trải rộng qua 20 chương (xem bảng 4.2) nên có rất nhiều thuật ngữ, do vậy có thể nói chỉ cần tiêu thụ được 1/5 lượng bài đọc này đối với sinh viên năm thứ 1 cũng đã là một thách thức lớn; nên khi phải đối mặt với số lượng bài đọc đồ sộ này sinh viên sẽ nảy sinh tâm trạng ngao ngán và đa số sinh viên sẽ có thái độ quay lưng với những bài đọc này. Điều này dẫn đến giá trị môn học bị giảm sút, sinh viên không hiểu sâu và không nắm bắt được những khái

niệm mới và mang tính thực tiễn của môn học; chưa kể đến kỹ năng đọc tài liệu cũng không được rèn luyện. Dựa trên tình hình thực tế trên, nghiên cứu này đề nghị một số biện pháp sau để giúp sinh viên có thể tiếp cận được nguồn tài nguyên của chương trình CMU hiệu quả hơn:

- Giảng viên chương trình CMU phải cung cấp một số lượng nhất định các thuật ngữ căn bản trong các bài đọc.

- Giảng viên cần yêu cầu sinh viên phải đọc một số bài bắt buộc, sau đó yêu cầu sinh viên thảo luận, trình bày theo nhóm nội dung bài đọc và sẽ được giảng viên đánh giá. Thí dụ: bài đọc trích từ tạp chí Business Book Review (volume 22, number 18, Copyright 2005) là bài tóm lược cuốn sách "The World is Flat" (tác giả Thomas L.Friedman) của Lydia Morris Brown dài 12 trang có thể được xem là một bài đọc bắt buộc, nội dung bài đọc sau đó có thể được các nhóm trình bày và thảo luận tại lớp.

- Bên cạnh các bài đọc này, sinh viên cũng cần phải được nghe thêm một số videoclip có nội dung thiết thực vào cuối khóa học. Các Videoclip này giúp sinh viên hiểu thêm các bài đọc, tăng cường khả năng học ngoại ngữ.

4.4. Liên kết với doanh nghiệp

Theo kết quả nghiên cứu của một số tác giả như: Pontiggia A & ctv (2003), Hemingway C.J & Gough T.G (2000) và Lopes F. & Morais P.(2002) thì rõ ràng việc truyền đạt kiến thức IS cho sinh viên khối kinh tế chỉ có thể đạt được giá trị cao nhất khi kiến thức phải gắn

liền với thực tiễn. Điều này được giải thích bởi ba lý do cơ bản sau:

- Bản chất nội tại của môn học là hệ thống dùng doanh nghiệp, do vậy lý thuyết IS phải được mô tả cụ thể cho một

doanh nghiệp thì mới có ý nghĩa thực.

- Do lý thuyết IS quá phức tạp, nên sinh viên chỉ có thể hiểu được sự vận hành của hệ thống khi được mô tả và cài đặt trên một môi trường thực tế

Bảng 4.2 - Số bài đọc (tiếng Anh) của môn IISM trong chương trình CMU

Chương	Tên bài học	Số bài đọc	Số trang
1	Lịch sử máy tính	3	77
2	Khái niệm về phần cứng và phần mềm	2	7
3	Hệ thống Thông tin trong kinh doanh	6	35
4	Quản trị Hệ thống Thông tin	4	29
5	Hệ thống Thông minh trong kinh doanh	4	20
6	Hoạch định chiến lược kinh doanh	6	40
7	Lợi thế cạnh tranh trong Quản trị	7	49
8	Thể chế Công nghệ Thông tin	7	52
9	Khắc phục thảm họa	5	115
10	Quản trị Dữ liệu	2	21
11	Thương mại Điện tử	4	26
12	Hệ thống Quản trị Quan hệ Khách hàng	5	25
13	Hệ thống Hoạch định Tài nguyên	3	14
14	Hệ thống Quản trị Chuỗi cung ứng	5	30
15	Phát triển Hệ thống Thông tin	5	67
16	Phát triển Hệ thống Thông tin	7	35
17	Đạo đức & Bảo mật	10	424
18	Quản trị Rủi ro	4	35
19	Xu hướng Công nghệ Thông tin	5	39
20	Xu hướng Công nghệ Thông tin toàn cầu	5	49
Tổng kết		1	12
Tổng		100	1200

- Trong thực tế, sự đa dạng hóa của các doanh nghiệp khiến sinh viên không khỏi lúng túng khi áp dụng lý thuyết IS vào triển khai thực tiễn. Việc dạy IS trên từng trường hợp cụ thể khiến sinh viên hiểu rõ sự linh động là yếu tố kiên quyết đưa đến sự thành công khi ứng dụng IS trong thực tế.

Chính vì các lý do trên, bài viết này đề nghị khi giảng dạy kiến thức IS cho khoa QTKD, cần phải đưa các ví dụ thực tiễn việc áp dụng IS của các doanh nghiệp ra để phân tích các yếu tố đưa đến sự thành công và thất bại của từng trường hợp cụ thể. Đặc biệt khi giảng dạy môn học thứ 2 là "Quản trị & Thực tiễn IS" (ISM&P - Information systems Management & Practice) cho sinh viên năm thứ 3. Điều này có thể thực hiện tốt nhất nếu Khoa QTKD đồng ý cho các giảng viên cộng tác với các nhà quản lý trong doanh nghiệp cùng đứng lớp trong những giờ thực hành và thảo luận nhóm.

5. Tóm tắt

Bài viết xem như là một nghiên cứu tình huống (Case Study Research) việc triển khai giảng dạy kiến thức IS cho khối kinh tế mà cụ thể là ngành QTKD tại VLU. Để minh chứng cho việc cần thiết việc giảng dạy kiến thức IS cho sinh viên ngành QTKD bài viết dựa vào các nghiên cứu của Jackson (2003), Christopher (2007) về lợi thế cạnh tranh do kiến thức IS mang lại cho nhà quản trị trong giai đoạn hiện nay và các nghiên cứu của Hemingway & Gough (2003) về lợi ích của tri thức IS trong xã hội hiện đại. Bên cạnh

đó, bài viết cũng tham khảo nghiên cứu của Pontiggia & ct (2003), Lopes & Moraise (2003) về nội dung giảng dạy kiến thức IS

Trên cơ sở lý thuyết này, bài viết tham khảo thực tế việc triển khai kiến thức IS cho khoa QTKD của các trường đại học ngoài nước (Hoa Kỳ) và của Việt Nam hiện nay để từ đó làm rõ hơn ý nghĩa và mục đích của bài nghiên cứu: kết quả nghiên cứu tình huống (Yin, 2003) có thể làm nguồn thông tin thứ cấp cho các nghiên cứu sâu hơn nhằm giúp cho các trường Đại học tại Việt Nam có thể tiến hành việc giảng dạy kiến thức IS cho sinh viên khối kinh tế đạt hiệu quả cao nhất.

Bài viết đã trình bày thực tế việc triển khai kiến thức IS cho sinh viên ngành QTKD tại VLU và nêu rõ kết quả sơ bộ đạt được qua 3 năm triển khai. Ưu điểm lớn nhất của chương trình này là môn học được lấy từ trường CMU- một trường nổi tiếng của Hoa Kỳ, đồng bộ với chương trình là tài liệu học tập và phương pháp học tập cũng do CMU cung cấp; và sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ của CMU nếu có kết quả học tập vào loại khá. Bên cạnh những kết quả đáng phấn khích này, bài viết đề nghị chương trình cần được mở rộng thêm 4 điểm sau: nội dung, công cụ hỗ trợ, tài nguyên cho sinh viên và liên kết với doanh nghiệp.

- Về nội dung: trên cơ sở khung chương trình BA.BA và nội dung IS do Laudon (2010), Pontiggia & ct (2003), Lopes & Moraise (2002) đề nghị. Bài viết đề nghị cách thể hiện nội dung kiến thức IS gồm 2

phần: phần thứ I giúp cho sinh viên nhận thức được tác động của IS đến vấn đề quản trị và phần thứ II sẽ giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức quản trị vào việc phát triển IS. Trên quan điểm này, để bảo đảm nội dung và tinh giản cho phù hợp với điều kiện thực tế tại khoa QTKD của VLU; bài viết đề nghị giảng dạy 2 môn học cho sinh viên. Môn thứ nhất là IISM được điều chỉnh lại nhấn mạnh vào phần I, và môn thứ hai là ISM&P mang nội dung phần II.

- Về công cụ hỗ trợ: bài viết đề nghị bổ sung kiến thức sử dụng ngôn ngữ UML nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng một công cụ chuẩn để mô tả tiến trình, phân tích và thiết kế IS trong doanh nghiệp (Eriksson & Penker, 2000)

- Về việc cải thiện việc tiếp cận của sinh viên đến nguồn tư liệu của CMU: bài viết đề

ngợi nhiều biện pháp được tiến hành đồng bộ như: cung cấp thuật ngữ, chọn lọc một số bài bắt buộc phải đọc và thuyết trình...

- Về việc liên kết với doanh nghiệp: bài viết cho rằng phương pháp học thực hành dựa vào việc phân tích theo từng trường hợp cụ thể các doanh nghiệp (Case Study) là cần thiết khi học IS, do vậy đề nghị Khoa QTKD cho phép giảng viên liên kết với các nhà Quản trị trong doanh nghiệp cùng đứng lớp trong giờ thực hành hay thảo luận nhóm.

Ngoài ra bài viết cũng cho rằng để có thể đưa ra một kết luận chính xác về hiệu quả của chương trình, đòi hỏi phải tiến hành thêm những khảo sát, mở rộng cả về đối tượng khảo sát và thời gian khảo sát.

ThS. Bùi Quốc Nam
Phó Giám Đốc dự án CMU

Tài liệu tham khảo

1. Alvin Toffler (1980), *The Third Wave*, US: Bantam Books.
2. Friedman L T Blackwell RD, Miniard PW & Engel JF (2006), *The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-first Century*, USA: Farrar, Straus & Girroux, 19 Union Square West, New York.
3. Christopher F.W (2007), *Holistic Management: Managing What Matters for Company Success*, USA: 111 River Street, John Wiley & Sons, Inc, Publications, Hoboken New Jersey.
4. Laudon K.C & Laudon J.P (2010), *Management Information System*, USA: Pearson Education, Inc., Upper Saddle River, New Jersey
5. María Elena García Ruiz (2005), *Teaching Management Informatin Systems: an Experience with WEBCT*, Espana: Cantabria University, Santander-Cantabria.
6. Pontiggia A., Cibora C., Ferrari D., Grauer M., Kautz K.H, Martinez M., Sieber S.(2003),

Teaching Information Systems Today: The Convergence Between IS and Organization Theory, Proceeding ECIS 2003.

7. Hemingway C.J & Gough T.G (2000), *The Value of Information System Teaching and Research in Knowledge Society, Journal of Informing Science Volumn 3 No 4, 2000.*

8. Lopes F. & Morais P.(2002) , *Lessons Learned from the Teaching of IS Development, Journal of Information Technology Education Volumn 1 No.2, 2002.*

9. Sweeney R.(2010), *Archiving Service-Oriented Architecture- Applying an Enterprise Architecture Approach, USA: John Wiley & Sons, Inc, Publications, Hoboken New Jersey.*

10. Khoshafian Setrag (2007), *Sercice Oriented Enterprises, USA: 6000 Broken Sound Parkway NW, Suite 300 Taylor & Francis Group , Auerbach Publications.*

11. Eriksson H.E & Penker M. (2000). *Business Modeling with UML: Business Pattern at Work, USA:John Wiley & Sons, Inc, Publications, Hoboken New Jersey.*

12. Jackson M.C (2003) *Systems Thinking Creative Holism for Managers, England :John Wiley & Sons Ltd, The Atrium, Southern Gate, Chichester.*

13. Pankowska Malgorzata (2010), *Infonomics for Distributed Business and Decision-making Environments: Creating Information System Ecology, USA: IGI Global 701 E.Chocolate Avenue Hershey.*

14. Yin R.K (2003), *Case Study Research. Design and Method, USA: Sage Publication, Inc. 2455 Teller Road, Thousand Oaks Californhia.*

15. Hugos M.& Hultzky D (2011), *Business in the Cloud. What EveryBusiness Needs To Know About Cloud Computing, USA:John Wiley & Sons, Inc, Publications, Hoboken New Jersey.*

16. Babcock. C (2010), *The Cloud Revolution. How Cloud Computing is Transforming Business and Why You Can't Afford to Be Left Hind, USA: McGraw-Hill Company*

17. Broberg .J, Buyya R., Goscinski A. (2011). *Cloud Computing. Principle and Paradigms, USA: John Wiley & Sons, Inc., Publication, Hoboken New Jersey.*

18. Yi-chen Lan (2005), *Global Information Society. Operating Information Systems in a Dynamic Global Business Environment, USA: Idea Group Publishing, 701 E, Chocolate Avenue, Suite 200.*